

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST

Ngày 04/7/2025

“V/v Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Sinh

Bà Trần Thị Kim Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 04 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, về việc “ly hôn”, giữa:

1. **Nguyên đơn:** anh Trần Hải N, sinh năm 1991. Địa chỉ thường trú: tổ D, khu I, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (nay là tổ D, khu I, phường Q, tỉnh Quảng Ninh). Nơi ở hiện nay: Dai 2 8-206 Villagehouse Tanaka 4-32-3 Tanaka cho Toyota shi A ken, J.

Căn cước số: 022091001522; cấp ngày 29/4/2025 tại Bộ C. Vắng mặt (đề nghị xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** chị Đào Thị Thanh H, sinh năm 1988. **Nơi thường trú: thôn T, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (nay là thôn T, xã I, tỉnh Gia Lai).** Nơi ở hiện nay: 1-502 Villagehouse Shimosaigo 85-3 Shimosaigo Kakegawa shi S ken, J.

Chứng minh nhân dân số: 230679399; cấp ngày 28/02/2012 tại Công an tỉnh G. Vắng mặt (đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai (được hợp pháp hoá lãnh sự tại Đ tại Nhật Bản ngày 04/6/2025) nguyên đơn anh Trần Hải N trình bày: anh Trần Hải N và chị Đào Thị Thanh H kết hôn ngày 26/12/2018 tại UBND phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn anh N, chị H cùng chung sống tại tỉnh Shizuoka, Nhật Bản. Đến cuối năm 2022 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến nay anh N, chị H đã sống ly thân được 02 năm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Để ổn định cuộc sống, anh N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho anh được ly hôn

chị Đào Thị Thanh H. Về con chung; không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết. Do đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, anh N uỷ quyền cho bà Lương Thị Thanh V, sinh năm 1972. Địa chỉ: tổ D, khu I, phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh thay anh N nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đề nghị xét xử vắng mặt.

** Tại bản tự khai của bị đơn chị Đào Thị Thanh H (được hợp pháp hoá lãnh sự tại Đ tại Nhật Bản ngày 28/5/2025), thể hiện nội dung:* chị Đào Thị Thanh H và anh Trần Hải N kết hôn ngày 26/12/2018 tại UBND phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn chị H, anh N cùng chung sống tại tỉnh Shizuoka, Nhật Bản. Đến cuối năm 2022 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đến nay chị H và anh N đã sống ly thân được 02 năm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Để ổn định cuộc sống, chị H đồng ý ly hôn anh Trần Hải N, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị H được ly hôn anh Trần Hải N. Về con chung; không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết. Chị H có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh Trần Hải N. Do đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, chị H uỷ quyền cho ông Đào Minh T, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn H, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hải N và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn*”, nguyên đơn anh Trần Hải N, bị đơn chị Đào Thị Thanh H hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Bị đơn chị Đào Thị Thanh H có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, đã có bản tự khai và đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Hải N và chị Đào Thị Thanh H kết hôn ngày 26/12/2018 tại UBND phường Q, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường Q, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn anh N, chị H cùng chung sống tại tỉnh Shizuoka, Nhật Bản. Đến cuối năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và làm ăn kinh tế, đến nay anh N, chị

H đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho anh N được ly hôn chị Đào Thị Thanh H. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, anh Trần Hải N và chị Đào Thị Thanh H không còn sống chung, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hải N đối với chị Đào Thị Thanh H.

[2.2] Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Hải N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hải N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Hải N được ly hôn với chị Đào Thị Thanh H.

[2] Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: anh Trần Hải N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006049 ngày 13/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: anh Trần Hải N, chị Đào Thị Thanh H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tối cao tại Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Q,
tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

(đã ký)

Nguyễn Trí Chính

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tối cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND phường Quang Hanh,
tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Nguyễn Trí Chính

